

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Hùng

Thẩm phán: Ông Nguyễn Văn Nhân

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Mãi
2. Ông Đỗ Xuân Hùng
3. Bà Lương Thị Diệu

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Bùi Quốc Hải – Cán bộ tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa: Ông Trần Minh Tuấn - Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 8 năm 2017 tại Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 13/2017/HSST ngày 29 tháng 3 năm 2017 đối với:

1. Bị cáo **Trương Đức L (Tên gọi khác: T)**, sinh năm 1982 tại tỉnh Bình Thuận; Nơi cư trú: Ấp 8, xã L, huyện L, tỉnh Bình Phước; Chỗ ở: Ấp B, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Làm thuê; Con ông Trương H (đã chết) và bà Nguyễn Thị L1, sinh năm 1944. Bị cáo sống chung như vợ chồng với Thị H1. Tiền án, tiền sự: Không; Bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/11/2016 cho đến nay. (Có mặt)

2. *Người bào chữa cho bị cáo:*

Luật sư Lê Minh Tâm – Văn phòng luật sư Minh Danh thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Phước.

3. *Người bị hại:* Thị Thanh T1, sinh ngày 12/12/2008

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

4. *Đại diện hợp pháp của người bị hại:* Ông Điều H2, sinh năm 1980;

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

5. *Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị hại:* Bà Trần Thị L2 – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Phước.

6. *Người làm chứng:*

6.1 Bà Thị N, sinh năm: 1955;

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

6.2. Anh Điều K, sinh năm: 1979;

Nơi cư trú: Ấp B, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

7. Người phiên dịch: Ông Điều B, sinh năm 1979

Nơi công tác: Ban dân tộc tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Đức L và Thị H1 sống chung với nhau như vợ chồng, nhà ở sát nhà mẹ của H1 là bà Thị N và nhà anh trai của H1 là Điều H2 tại ấp B, xã T, thị xã Đ, tỉnh Bình Phước.

Khoảng 13 giờ, ngày 05/11/2016, L cùng với anh Điều T2, Điều H3, Điều B1 và Điều H2 ngồi uống rượu tại nhà của L. Đến khoảng 21 giờ cùng ngày, sau khi uống rượu xong mọi người đi về, còn anh K đang ở nhà L. Lúc này, L rủ anh K đi sang nhà anh H2 xem tivi. Khi anh K và L đi đến nhà anh H2 thì thấy con gái của anh H2 là cháu Thị Thanh T1, sinh ngày 12/12/2008 đang ngồi học bài một mình trên nệm ở giữa phòng khách. L đi vào mở tivi rồi nằm trên nệm xem, còn anh K ngồi ở cửa ra vào, được khoảng 15 phút thì anh K đi về. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày, cháu T1 đi sang nằm trên võng tại hiên nhà bà N. Khoảng 15 phút sau, L đi tiểu tiện và nhìn thấy cháu T1 đang nằm võng ở hiên nhà bà N, nên L nảy sinh ý định giao cấu với cháu T1. L đi đến nói với T1 “về nhà xem ti vi với dượng cho vui”, rồi L cầm tay dắt cháu T1 đi về nhà cháu T1. Khi vào trong nhà, L nói cháu T1 đóng cửa lại, rồi L nói cháu T1 nằm xuống nệm ở phòng khách xem tivi với L, cháu T1 nằm phía bên trái của L, L đưa tay trái ra cho cháu T1 gối đầu. Khoảng 5 phút sau, L nói với cháu T1 “cho dượng sờ chim nha”, cháu T1 nói “dượng sờ nhẹ thôi”. Lúc này, cháu T1 mặc quần Jean lửng, bên ngoài mặc áo khoác màu vàng, bên trong mặc áo thun, không mặc quần lót, còn L bên ngoài mặc quần dài, bên trong mặc quần đùi và quần lót, nhưng không mặc áo. Sau đó, L ôm hôn má và dùng tay phải sờ bên ngoài quần ở bộ phận sinh dục của cháu T1, rồi L dùng tay phải kéo quần cháu T1 ra khỏi chân, L tiếp tục dùng tay sờ âm hộ của cháu T1 được một lúc thì L ngồi dậy cởi hết quần của L ra. Lúc này, cháu T1 đang nằm ngửa trên nệm, L nằm sắp đè lên người cháu T1, cháu T1 nói “dượng nặng quá”, nên L chống hai tay hai bên vai của cháu T1, hai chân quỳ ở giữa hai chân của cháu T1. Lúc này dương vật của L đã cương cứng, L dùng tay trái cầm dương vật

đưa vào âm hộ của cháu T1, khi L đưa dương vật chạm vào âm hộ của cháu T1 thì bà N đứng ở cửa sổ nhà anh H2 nhìn thấy (cửa không có cánh), nên bà N lên tiếng gọi “T1 ơi”. Nghe tiếng bà N gọi, L lặn xuống nệm nằm và lấy chăn đắp lên người, còn cháu T1 đứng dậy mặc quần, rồi đi ra mở cửa, bà N đưa cháu T1 đi về nhà, thì cháu T1 kể lại toàn bộ sự việc cho bà N nghe. Sau đó, bà N điện thoại báo cho Công an xã Tân Thành, thị xã Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

Vật chứng thu giữ gồm:

- 01 (một) cái quần nữ màu xanh, vải Jean, dài 50cm;
- 01 (một) cái áo khoác nữ màu vàng (hoa văn màu xanh) vải bằng nilon;
- 01 (một) cái áo thun màu đỏ xám, sau lưng có chữ Trường mầm non Hòa

Mi;

- 01 (một) cái chăn màu xanh, sọc đỏ, kích thước 1,5 x 1,8m;
- 01 (một) cái quần tây nam vải màu đen dài 90cm;
- 01 (một) quần đùi nam màu xám, sọc đen hai bên, vải nilon;
- 01 (một) quần lót nam màu xám đen, vải thun.

Bản kết luận giám định pháp Y về tình dục số: 303/2016/TD ngày 17/11/2016 của Trung tâm giám định Y khoa – Pháp Y – Sở Y tế tỉnh Bình Phước, kết luận tình trạng sức khỏe và mức độ tổn thương bộ phận sinh dục của Thị Thanh T1 như sau:

Dấu hiệu chính qua giám định:

- Hiện tại không có rối loạn tâm thần.
- Môi lớn, môi bé, âm đạo, tầng sinh môn, không có dấu hiệu tổn thương.
- Màng trinh đường kính 0,6cm, bờ tự do sắc, không giãn, không rách, không bầm tím, không xung huyết.

Về trách nhiệm dân sự: Đại diện hợp pháp của bị hại Thị Thanh T1 là anh Điều H2 yêu cầu bị cáo L bồi thường tổn thất về tinh thần cho bị hại số tiền: 15.000.000 đồng, bị can L đồng ý bồi thường, nhưng hiện tại chưa có tiền.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Trương Đức L phạm tội “Hiếp dâm trẻ em” áp dụng khoản 4 Điều 112, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 33, Điều 45 Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo Trương Đức L từ 12 đến 13 năm tù. Về trách nhiệm dân sự công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và người đại diện theo pháp luật của người bị hại số tiền 15.000.000 đồng. Về vật chứng vụ án đề nghị Hội đồng xét xử xử lý theo quy định của pháp luật.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo: Thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước về phần tội danh. Đối với phần hình phạt đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hành vi phạm tội của bị cáo là chưa đạt về hậu quả theo Điều 18 Bộ luật hình sự. Vì vậy, cần áp dụng khoản 3 Điều 53 của Bộ luật hình sự tuyên phạt bị cáo bằng ba phần tư mức khung hình phạt tại khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự. Tại khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự có mức khung hình phạt khởi điểm là 12 năm tù, như vậy cần tuyên bị cáo 09 năm tù.

Quan điểm của trợ giúp viên pháp lý Trần Thị L2 bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của người bị hại: Thống nhất với quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được xét hỏi công khai tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Vào khoảng 22 giờ 15 phút ngày 05/11/2016, lợi dụng sự non nớt của cháu Thị Thanh T1, sinh ngày 12/12/2008, Trương Đức L đã có hành vi giao cấu với cháu T1 khi cháu T1 chưa đủ 13 tuổi. Hành vi của bị cáo L đã đủ yếu tố cấu thành tội “Hiếp dâm trẻ em” theo Điều 112 Bộ luật hình sự.

Bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi giao cấu với cháu T1 khi cháu T1 chưa đủ 13 tuổi là vi phạm pháp luật, nhưng nhằm thỏa mãn dục vọng của mình, bị cáo vẫn cố ý thực hiện hành vi phạm tội đối với cháu T1. Mặc dù, hành vi phạm tội của bị cáo chưa gây hậu quả nhưng đã hoàn thành về ý chí thực hiện hành vi phạm tội.

Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước truy tố bị cáo Trương Đức L tội “Hiếp dâm trẻ em” theo khoản 4 Điều 112 Bộ luật hình sự là có cơ sở, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét tính chất của hành vi do bị cáo thực hiện là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe, danh dự, nhân phẩm và quyền bất khả xâm phạm về thân thể của trẻ em được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến sự phát triển bình thường về thể chất và tâm sinh lý của người bị hại. Hơn nữa, giữa bị cáo với người bị hại có quan hệ bà con (cô ruột của bị hại đang sống chung như vợ chồng với bị cáo, người bị hại gọi bị cáo bằng dượng) nhưng bị cáo không bảo vệ cháu của mình mà xâm hại tình dục đối với cháu T1 là trái với đạo đức, thuần phong mỹ tục của người Việt Nam, gây bức xúc cho gia đình người bị hại và dư luận xã hội. Do đó, cần xét xử bị cáo mức án tương xứng với tính chất và hậu quả do hành vi mà bị cáo gây ra.

Tuy nhiên, trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, được đại diện hợp pháp của người bị hại là ông Điều H2 xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, đây là các tình tiết giảm nhẹ được quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự. Xét bị cáo không có tình tiết tăng nặng nào, có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên Hội

đồng xét xử áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự để thể hiện tính khoan hồng của pháp luật xã hội chủ nghĩa đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Cần công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo với người đại diện hợp pháp của người bị hại về số tiền bồi thường thiệt hại là 15.000.000 đồng.

[4] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo phù hợp một phần với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận một phần.

Quan điểm của người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho người bị hại phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, được chấp nhận.

[5] Án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm, bị cáo Trương Đức L phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1] Tuyên bố bị cáo **Trương Đức L** phạm tội “Hiếp dâm trẻ em”.

Áp dụng điểm a, khoản 4 Điều 1 Nghị quyết 144/2016/QH ngày 29/6/2016 của Quốc Hội về việc thực hiện các quy định của Bộ luật hình sự năm 2015, Công văn số 327/TANDTC – PC ngày 07/11/2016 của Tòa án nhân dân tối cao về việc viện dẫn các điều khoản có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự 2015.

Áp dụng khoản 4 Điều 112; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 45, Điều 47 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo **Trương Đức L** 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 06/11/2016.

[2] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng các Điều 584, 585, 591 Bộ luật dân sự năm 2015.

Công nhận sự thỏa thuận giữa đại diện pháp của người bị hại và bị cáo Trương Đức L về việc các bị cáo bồi thường cho người bị hại Thị Thanh T1 số tiền 15.000.000 đồng (Mười năm triệu đồng)

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân

sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự’’

[3] Về xử lý vật chứng: Áp dụng các điều 41, 42 Bộ luật hình sự, Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự. Tuyên tịch thu tiêu hủy:

- 01 (một) cái quần nữ màu xanh, vải Jean, dài 50cm;
- 01 (một) cái áo khoác nữ màu vàng (hoa văn màu xanh) vải bằng nilon;
- 01 (một) cái áo thun màu đỏ xám, sau lưng có chữ Trường mầm non Hòa

Mi;

- 01 (một) cái chăn màu xanh, sọc đỏ, kích thước 1,5 x 1,8m;
- 01 (một) cái quần tây nam vải màu đen dài 90cm;
- 01 (một) quần đùi nam màu xám, sọc đen hai bên, vải nilon;
- 01 (một) quần lót nam màu xám đen, vải thun.

[4] *Về án phí:* Bị cáo Trương Đức L phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm và 750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị cáo, người đại diện hợp pháp của người bị hại được quyền kháng cáo bản án./.

Nơi nhận:

- TANDCC-VKSNDCC;
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- Cục THA tỉnh Bình Phước;
- CSĐT, phòng HSCA tỉnh Bình Phước;
- Sở tư pháp tỉnh Bình Phước;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nguyễn Viết Hùng